TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DSPT
Ngày 14/6/2018
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và bà Phạm Thị Thông.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vụ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông: ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPS-DS ngày 27/02/2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DSST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2018/QĐ-PT ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1939 - có mặt

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà X: Bà Bùi Thị H và bà Cao Thị Thúy H1- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp tỉnh Đ - vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Đặng Thị L - có mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1981 - có mặt

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Ngọc Kh - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Võ Thị X - có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ông Lâm Xuân B - vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ông Phạm Văn C - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ông Võ Ngọc H1 - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ông Huỳnh Văn Th - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ph, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Công T - vắng mặt.

Địa chỉ: Phòng Tham mưu Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Nông.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Hữu B1, sinh năm 1971 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ông Cù Xuân K, sinh năm 1954 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ông Phạm Thanh T1 - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bà Hà Thị L - vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn Th, xã B, huyện L, tỉnh Đăk Lăk.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị L, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn khởi kiện ngày 13/10/ 2015 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị X trình bày:

Ngày 28/07/2008, bà X mua 01 lô đất của ông Phạm Văn C diện tích khoảng 15.000m^2, đất có tứ cận: phía Đông giáp QL 14; phía Tây giáp sình; phía Nam giáp đất ông T3; phía Bắc giáp đất ông H, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*), giá chuyển nhượng là 100.000.000đ. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay với nhau không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không cắm mốc ranh giới, chỉ nói miệng với nhau là chiều ngang QL 14 là 60m, chiều dài 250m. Sau khi nhận chuyển nhượng do ở xa không có điều kiện canh tác nên tháng 9/2009 ông Trần Văn H là người có đất liền kề đã lấn chiếm một phần diện tích đất của bà, phần diện tích ông H lấn chiếm có cạnh phía Đông giáp QL 14 dài 10,2m; cạnh phía Bắc giáp ông H dài 199m; cạnh phía Nam giáp đất bà X dài 205m, phía tây giáp suối, tổng diện tích tranh chấp 2000m^2. Trên diện tích đất lấn chiếm ông H đã nhổ 35 cây cà phê đã trồng 02 năm và trồng tiêu trên đất, nên bà X khởi kiện yêu cầu ông H trả lại 2000m^2 đất đã lấn chiếm đồng thời bồi thường giá trị 35 cây cà phê là 10.500.000đ.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông H khai hoang năm 1999, ông H sử dụng đất ổn định không tranh chấp với ai. Việc ông H khai hoang có một số người biết gồm ông Cù Xuân K, ông Nguyễn Hữu B, anh

Phạm Thanh T1. Đến năm 2009 bà X tranh chấp với ông H, nói ông H lấn chiếm đất của bà. Hàng mít nằm trên phần đất tranh chấp là do ông H trồng là để chắn gió chứ không phải để xác định ranh giới đất. Ông H thừa nhận có nhổ khoảng 30 cây cà phê mới trồng trên phần đất của ông. Diện tích đất của gia đình ông H hiện đã được đo đạc giải thửa năm 2013, lúc đó ông H nhận đăng ký thửa đất của mình, do đất đang tranh chấp nên ông H chưa làm được sổ đỏ. Việc bà X khởi kiện ông H là không đúng, ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày: Vào năm 2008 ông Lâm Xuân B có ủy quyền cho ông C bán 01 lô đất rẫy diện tích khoảng 01ha ở thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Về diện tích tứ cận ông C không nhớ, nguồn gốc lô đất này ông B nhận chuyển nhượng của ông Hà Văn T2. Sau khi nhận ủy quyền từ ông B để bán lô đất thì ông C gặp bà Võ Thị X là người có nhu cầu mua đất, ông dẫn bà X đến nhà ông B để hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng ông là người đứng ra ký hợp đồng chuyển nhượng với bà X, giá chuyển nhượng là 100.000.00đ, bà X đặt cọc trước 80.000.000đ, còn thiếu lại 20.000.000đ. Số tiền này ông B là người nhận tiền và sử dụng số tiền này. Khi mua bán cũng không đo đạc cụ thể chiều dài các cạnh chỉ nói miệng với nhau. Việc bà X khởi kiện ông H ông C không có ý kiến gì. Do đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam ở huyện C, tỉnh Đăk Lăk, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Xuân B trình bày: Vào tháng 03/2008, ông B có nhận chuyển nhượng của ông Hà Văn T2 diện tích đất rẫy khoảng 1,5ha, đất tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Đất có tứ cận: phía Đông giáp QL14 rộng 60m; phía Tây giáp sình rộng khoảng 70m; phía Nam giáp đất ông T3 dài khoảng 300m; phía Bắc giáp đất ông H dài khoảng 300m, giá chuyển nhượng 50.000.000đ, đất chưa được cấp GCNQSDĐ, khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay với nhau. Đến ngày 15/5/2008 ông B viết giấy ủy quyền cho ông Phạm Văn C sử dụng diện tích đất này. Cùng với việc ủy quyền cho ông C sử dụng, ông B cũng treo biển bán đất đối với diện tích đất trên. Sau đó ông C có dẫn bà X đến mua đất, khi bán đất cho bà X thì có ông B và ông C xuống chỉ ranh giới đất cho bà X, khi đó có anh D1 con trai bà X cũng có mặt. Ông C là người nhận tiền của bà X để đưa cho ông B nhưng ông C mới đưa cho ông 50.000.000đ. Ranh giới đất giữa đất ông B nhận chuyển nhượng của ông T2 và ủy quyền cho ông C bán cho bà X với đất anh H là hàng mít ở dưới chân sình chạy thẳng lên đường giáp quốc lộ 14, việc anh H cho rằng đất của anh H cách hàng mít phía dưới chân sình là 5,4m và trên đường là 10.2m là không đúng. Ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết quyết vắng mặt ông trong các buổi làm việc, hòa giải, đối chất cũng như xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Ngọc H1 trình bày: Vào ngày 22/03/2009, ông H1 nhận chuyển nhượng của ông Hà Văn T2 diện tích đất rẫy khoảng 1,5ha đất tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp QL14 rộng 30m; phía Tây giáp sình rộng khoảng 140m; phía Nam giáp đất ông T3 dài khoảng 250m; phía Bắc giáp đất ông H dài khoảng 250m, giá chuyển nhượng 60.000.000đ, đất chưa được cấp GCNQSDĐ,

khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay với nhau và có các hộ liền kề là ông H và ông T3 ký giáp ranh. Sau khi chuyển nhượng do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông chưa trồng cây và canh tác gì trên đất. Ông cũng không hề biết việc ông C chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà X. Việc bà X khởi kiện ông H hiện nay ông H1 không có ý kiến và chưa có yêu cầu gì. Sau này khi cần thiết ông sẽ khởi kiện bà X bằng vụ án khác. Ông H1 có đơn đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công T trình bày: Ông T có khai hoang được 01 diện tích đất vào năm 2001 tại khu vực nhà máy mì, thuộc thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Diện tích Ông T không nhớ chính xác nhưng được khoảng 1,5 ha. Ông T khai hoang là để trồng mỳ và bí đỏ, tuy nhiên do Ông T bận việc nên cũng chưa làm được. Đến cuối năm 2003 Ông T bán lô đất trên cho ông Huỳnh Văn Th, khi bán có làm giấy tay, có ký giáp ranh, tại thời điểm sang nhượng thì phía giáp QL14 nhà nước bắt trừ lại 100m từ QL14 vào không tính diện tích sang nhượng, sau này thế nào ông không rõ. Chứng cứ chứng minh lô đất là của Ông T là có ông T3 vì khi làm ở đây Ông T chơi với ông T3 rất thân, coi nhau như anh em. Ông T chỉ làm chứng về nguồn gốc đất và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Th trình bày: Năm 2003 ông đến thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông mua 2,5ha đất rẫy, vị trí phía Bắc giáp ông H, phía nam giáp ông T3, phía Đông giáp đường QL14, phía Tây giáp suối, ở giữa khoảng cây số 22,23. Lúc đầu ông Th trồng mỳ, sau đó trồng cà phê. Do nhà ông Th ở huyện C, tỉnh Lâm Đồng, ông Th không thường xuyên có mặt ở đây nên đã bị 02 đến 03 người dân lấn chiếm để canh tác, ông Th đến đòi thì họ không trả. Ông Th không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tại phiên tòa các cấp.

Người làm chứng bà Hà Thị L trình bày: Bà L là vợ ông Hà Văn T2, nguồn gốc diện tích bà X và ông H tranh chấp là do chồng Bà L khai hoang, lúc đó diện tích đất khai hoang cách đường QL14 khoảng 200 – 300m, phía trên rộng khoảng 30m, phía dưới giáp suối rộng khoảng hơn 100m, chiều dài hơn 200m. Diện tích đất này bà không biết chồng bà bán cho ai, bà chỉ nghe chồng nói mang máng bán cho ông C và bị ông C lừa không trả tiền. Việc bà X khởi kiện ông H bà không có ý kiến gì.

Người làm chứng ông Cù Xuân K trình bày: Ông là người cùng thôn với ông Trần Văn H, không có họ hàng thân thích gì, còn bà Võ Thị X là ai ông K chưa nghe tên và chưa biết mặt. Ông K đến thôn 11, xã N sinh sống từ tháng 5/1995, làm thôn trưởng từ tháng 3/2008 đến cuối năm 2011 thì nghỉ. Ông Trần Văn H đến đây sinh sống từ năm 1999, khi mới vào ông H có ở nhờ nhà ông, diện tích đất hiện nay gia đình ông H đang sử dụng là do ông H khai hoang năm 1999, chính ông còn được đi phát dọn giúp ông H, diện tích ông H khai hoang được khoảng 1,6ha chiều ngang QL14 đo bằng bước chân được 110 bước chân tương đương 110m, chiều sâu chạy đến khe suối khoảng 150m. Vào năm 1996 huyện Đ cũ tiến hành giải tỏa hai bên đường thì phần đất ở giữa đất ông H và đất ông T3 là để cây chồi mọc, đến 3 năm sau tức năm 1999 thì có ông Hà Ngọc T2

ra nhận phần đất ở giữa đất ông H và ông T3, sau đó ông thấy ông T2 phát dọn để không chứ không trồng gì, đến năm 2008 thì ông T2 nói bị bệnh tiểu đường nên bán diện tích đất cho ông B, nội dung xác nhận của ông là có việc hai ông mua bán, còn diện tích và số tiền mua bán thế nào ông K không biết. Theo ông K thì đất tranh chấp là của ông H vì nếu có người khác đến mua sau thì phải gặp ông H là chủ đất giáp ranh để cùng nhau xác định ranh.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu B1 trình bày: Ông là chú rể của anh H, vợ ông là em ruột mẹ anh H, nhà ông cách nhà anh H mấy chục mét còn bà X là ai ông không nghe tên và không biết mặt. Ông đến thôn 11, xã N sinh sống từ cuối năm 1997 đầu năm 1998. Anh H đến đây sinh sống từ năm 1999, do ông vào làm kinh tế theo diện di dân tự do từ quê vào và rủ anh H cùng vào với ông, khi mới vào anh H và ông ở nhờ nhà ông Cù Xuân K. Nguồn gốc đất hiện nay gia đình anh H đang sử dụng trước năm 1999 thì ông không biết của ai, lúc đó trên đất có cây chồi mọc, cỏ mỹ, cây mua, cây sim, đến năm 1999 khi anh Trần Văn H vào tự khai phá, bản thân ông cùng ông Cù Xuân K đi phát hộ, diện tích anh H khai hoang theo ông được khoảng 02 ha, chiều ngang mặt đường quốc lộ 14 khoảng hơn 100m, chiều sâu từ QL14 chạy đến khe suối là khoảng 200m. Ông không biết phần đất ở giữa đất ông T3 và anh H là của ai cả, ngay cả người đi kiện anh H là ai, ở đâu đến ông cũng không biết. Theo ông phần đất tranh chấp là của anh H vì bản thân ông được đi phát hộ cây chồi cho anh H và nhà ông ở gần nhà anh H nên thấy anh H sử dụng từ năm 1999 không ai tranh chấp. Người đi kiện anh H là không có cơ sở, bởi vì khi ai đến mua đất phải gọi chủ đất liền kề ra xác định ranh giới còn người đó không làm việc đó thì lấy đâu căn cứ là đất của mình mà đi kiện người khác.

Người làm chứng anh Phạm Thanh T1 trình bày: Hiện anh là Công an viên của thôn 11, xã N, anh vào địa bàn xã N, huyện Đ sinh sống từ năm 2000, nguồn gốc đất anh H đang sử dụng là do anh H khai hoang, nhưng anh không rõ tứ cận lô đất như thế nào, còn đất bà X anh không rõ nguồn gốc, trước khi bà X nhận chuyển nhượng không biết chủ đất là ai vì không thường xuyên có mặt, không ai sử dụng trồng gì trên đất.

Đối với chị Phạm Thị Ng là vợ anh Trần Văn H: Chị Ng cho biết chị lấy anh H vào tháng 3/2017 nên không biết nguồn gốc đất tranh chấp, đây là tài sản riêng của anh H tạo lập trước hôn nhân vì vậy chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Ng không có yêu cầu gì.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/8/2016 đã xác định diện tích thực tế của bà X sử dụng theo bà X chỉ ranh giới có tứ cận: phía đông giáp quốc lộ 14 dài 50,5m; phía tây giáp suối dài 117,4m; phía bắc giáp đất anh H dài 199m, phía Nam giáp đất ông T3 dài 243m, tổng diện tích là 17.387m^2. Diện tích thực tế của anh H sử dụng theo anh H chỉ ranh giới có tứ cận: phía đông giáp quốc lộ 14 dài 109m; phía tây giáp suối dài 97m; phía Bắc giáp đất ông T4 dài 126m, phía Nam giáp đất bà X dài 205m, tổng diện tích là 14.602m^2. Diện tích đất tranh chấp có tứ cận: phía đông giáp quốc lộ 14 dài 10.2m; phía tây giáp suối dài 5.4m; phía Bắc giáp đất anh H dài 199m, phía Nam giáp đất bà X dài 205m, tổng diện tích đất tranh chấp là 1.191m^2.

Các tài sản trên đất: Về cây có 161 trụ tiêu, trồng bằng trụ gỗ căm xe là 111 trụ, còn lại 50 cây trồng bằng cây vông và cây muồng. Về nhà: Nhà xây cấp 4, diện tích 42,25m^2, phần nằm trong lộ giới là 40m^2, phần nằm ngoài lộ giới là 2.25m^2.

Tại biên bản định giá ngày 05/8/2016, xác định diện tích đất tranh chấp là 285.600.000đ, giá trị 161 cây tiêu là 81.600.000đ; giá trị phần nhà diện tích 2,25m^2 nằm ngoài lộ giới là 30.000.000đ, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 397.200.000đ.

Theo đơn khởi kiện bà Võ Thị X khởi kiện anh H lấn chiếm diện tích 2000m^2, tuy nhiên qua kết quả đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp là 1.191m^2 và nguyên đơn chỉ yêu cầu khởi kiện diện tích đất tranh chấp là 1.191m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DSSTngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X, về việc khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn H phải trả cho bà diện tích đất 1.191m^2 lấn chiếm, đất có tứ cận: phía đông giáp quốc lộ 14 dài 10.2m; phía tây giáp suối dài 5.4m; phía Bắc giáp đất anh Hùng dài 199m, phía Nam giáp đất bà X dài 205m, tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và yêu cầu bồi thường đối với 35 cây cà phê trị giá 10.500.000đ *(Mười triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/11/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị L kháng cáo với nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Võ Ngọc H1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Việc chuyển nhượng đất của ông C cho bà X có tứ cận theo giấy ủy quyền ngày 15-8-2008 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chứng cứ này. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST ngày 26-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (BL 233).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Ông Trần Văn H không chấp nhận kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký trong quá trình phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung, phân tích tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L đối với bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm, đối chiếu với các quy định của pháp luật, thì thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị L - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ.

[2]. Xét yêu cầu khởi hiện và yêu cầu kháng cáo của bà L: Theo giấy chuyển nhượng đất ngày 20-3-2008 thì nguồn gốc đất tranh chấp do ông Hà Văn T2 khai hoang vào năm 1995, sau đó ông T2chuyển nhượng lại cho ông Lâm Xuân B diện tích ghi khoảng 1,5ha có tứ cận: phía Đông giáp đường QL14, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đất ông T3, phía Bắc giáp đất anh H, có chữ ký của các hộ giáp ranh là ông H và ông T3 nhưng không thể hiện kích thước chiều ngang, chiều dài thửa đất là bao nhiêu, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền (BL 06).

Ngày 15/5/2008, ông Bb viết giấy ủy quyền sử dụng và canh tác lâu dài cho ông Phạm Văn C, ông B tự ghi diện tích 1,5ha, giáp QL 14 60m, giáp rẫy ông H 250m, giáp ông T3, giáp khe sình mà không có chữ ký của các hộ giáp ranh (BL 09).

Ngày 28/7/2008 ông C chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà X, ông Kh. Giấy ghi diện tích đất chuyển nhượng là 1,5ha nhưng không ghi tứ cận, kích thước chiều ngang, chiều dài thửa đất là bao nhiêu, cũng không có chữ ký của các hộ giáp ranh(BL 10).

Ngoài ra, tại vị trí đất này ngày 22-3-2009 ông Hà Văn T2 viết giấy tay chuyển nhượng cho ông Võ Ngọc H1 là 1,5ha có tứ cận: Đông giáp QL14 cạnh dài 30m, Tây giáp suối cạnh dài 140m, Nam giáp đất ông T3 cạnh dài 250m, Bắc giáp đất ông H cạnh dài 250m có chữ ký giáp ranh của ông H và ông T3.

Như vậy, về nguồn gốc đất ông Hà Văn T2 thừa nhận do khai hoang và viết tay chuyển nhượng cho ông B, khi chuyển nhượng chỉ ghi diện tích khoảng 1,5 ha, không ghi dài, rộng bao nhiêu. Khi ông B ủy quyền cho ông C thì ông B tự ghi diện tích, dài, rộng không có các hộ giáp ranh xác nhận. Khi ông C chuyển nhượng cho bà X, ông Kh thì ghi 1,5ha không ghi tứ cận, không có các hộ giáp ranh ký. Lời khai của các đương sự, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án về chiều dài, rộng thể hiện khác nhau. Do đó có căn cứ xác định lô đất Bà X, ông Kh nhận chuyển nhượng của ông C diện tích khoảng 1,5ha và không có căn cứ xác định lô đất đó chiều rộng giáp quốc lộ 14 là 30m hay 60m.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05-8-2016 xác định: Diện tích đất bà X đang sử dụng là 17.387m^2; diện tích đất bà X đang tranh chấp với anh H là 1.191m^2 . Như vậy, diện tích đất thực tế bà X sử dụng hiện nay lớn hơn diện tích bà X nhận chuyển nhượng lúc ban đầu. Bà X khởi kiện khởi kiện yêu cầu anh H trả lại 1.191 m^2 đất đã lấn chiếm đồng thời bồi thường cho bà giá trị 35 cây cà phê là 10.500.000đồng. Ông H không thừa nhận lấn chiếm đất. Bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ pháp lý về quyền sử dụng đất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà X là đúng.

[3]. *Đối với ông Võ Ngọc H1*: Cũng tại khu vực đất ông Hà Văn T2 chuyển nhượng cho Lâm Xuân B. Ngày 22/03/2009 ông Hà Văn T2 viết giấy chuyển nhượng cho ông Võ Ngọc H1 ghi diện tích 15.000m^2. Tòa án đưa ông H1 vào

tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng. Qua làm việc ông H1 không có yêu cầu độc lập nên không xem xét trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, do đó cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị L đối với bản án sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 26-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

[4]Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị X thuộc đối tượng chính sách căn cứ Điều 11 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Võ Thị X. Hoàn trả cho bà Võ Thị X số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với bản án sơ thẩm: 32/2017/DS-ST ngày 26-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 luật đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X về việc yêu cầu ông Trần Văn H phải trả diện tích 1.191m2 đất lấn chiếm và yêu cầu bồi thường 35 cây cà phê trị giá 10.500.000đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị X phải chịu chi phí thẩm định và chi phí định giá, số tiền là 3.450.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án 4.000.000đồng; hoàn trả lại cho bà Võ Thị X số tiền 550.000đồng (Bà L đã nhận số tiền này).

3.Về án phí: Bà Võ Thị X thuộc đối tượng chính sách, căn cứ Điều 11 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị X. Trả lại cho bà X số tiền 462.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000585 ngày 14/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Võ Thị X. Trả lại cho bà X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001810 ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại TP. HCM;*
- *VKSND tỉnh Đăk Nông;*
- *TAND huyện Đăk Song;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: TTL, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký, đóng dấu*)

Nguyễn Tài Sử